

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HN&GD-ST

Ngày 02 - 8 - 2023

“V/v không công nhận vợ chồng,

Tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Gấm và bà Hồ Thị Thu Uyên;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 131/2023/TLST-HN&GD, ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐSTXX-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1979 - Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 - Có mặt.

Cùng trú tại: T 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Văn T trình bày:*

Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay, không đăng ký kết hôn, lý do không đăng ký kết hôn là do nhận thức pháp luật, mỗi người làm ăn một nơi, đi lại khó khăn. Quá trình chung sống ông T và bà L sống hạnh phúc được thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà L bỏ nhà đi ngoại tình. Trong thời gian chung sống, có 03 con chung là Đỗ Mạnh H, sinh năm 2004, hiện đã trưởng thành, Đỗ Thị Trúc L, sinh ngày 09/11/2007 và Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 06/12/2015. Nay ông T thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Đỗ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết các mối quan hệ như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn T yêu cầu Tòa án không công nhận ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

+ Về con chung: Đối với cháu Đỗ Mạnh H, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Đỗ Thị Trúc L, sinh ngày 09/11/2007 và Đỗ Thị Yên N, sinh ngày 06/12/2015, nguyện vọng của ông T xin nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà L đồng ý với lời trình bày trên của ông T về trình trạng hôn nhân và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng bà L thấy mục đích hôn nhân không đạt được, lý do ông T và bà L bất đồng quan điểm sống, ông T hay đánh đập bà L nên hiện nay đã sống ly thân. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết các mối quan hệ trên như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý với lời trình bày của ông T là yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông T và bà L là vợ chồng.

+ Về con chung: Đối với cháu Đỗ Mạnh H, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với các con chung Đỗ Thị Trúc L, sinh ngày 09/11/2007 và Đỗ Thị Yên N, sinh ngày 06/12/2015. Bà L đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi)..

Về cấp dưỡng ông T không yêu cầu nên bà L không có ý kiến gì.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa các đương sự giữ nguyên yêu cầu, không trình bày bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự: đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

+ Về con chung: Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L thỏa thuận giao con chung Đỗ Thị Trúc L, sinh ngày 09/11/2007 và Đỗ Thị Yên N, sinh ngày 06/12/2015 cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi; đối với cháu Đỗ Mạnh H, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những yêu cầu kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đỗ Văn T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bà L. Hiện nay, bà L đang sinh sống tại T 8, thị trấn Đ,

huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án, do ông T và bà L chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn nên khi yêu cầu ly hôn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án Hôn nhân và Gia đình không quy định thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, vụ án được thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống thời gian đầu sống rất hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trong gia đình. Nhưng từ năm 2019 đến nay vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, hiện mỗi người đã sống một nơi. Ông T thì cho rằng bà L bỏ nhà đi là do ngoại tình, bà L thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do ông T hay đánh đập bà. Nay cả hai vợ chồng xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T đã viết đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án xét xử bằng bản án tuyên bố không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của ông Đỗ Văn T là có căn cứ, việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là không được pháp luật công nhận. Hậu quả của việc ông T và bà L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của luật này thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

[4] Về con chung: Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L thỏa thuận giao 02 con chung là Đỗ Thị Trúc L, sinh ngày 09/11/2007 và Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 06/12/2015 cho ông T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Đỗ Mạnh H, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đỗ Văn T không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L.

1.2. Về con chung: Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L thỏa thuận giao 02 con chung là Đỗ Thị Trúc L, sinh ngày 09/11/2007 và Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 06/12/2015 cho ông T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Đỗ Mạnh H, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đỗ Văn T không yêu cầu nên không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Đỗ Văn T phải nộp toàn bộ án phí LHST trên, được khấu trừ vào số tiền ông T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai số 0002366 ngày 16/6/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

1.5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ.
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Trọng Sơn